

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 28/7/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Minh Trung.

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2025/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; địa chỉ trụ sở chính: Số A Láng H, phường Láng H, quận Đống Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường Đống Đ, Thành phố Hà Nội); địa chỉ liên hệ: Lầu B, số C Cao T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bàn C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1. Bà Trần Thị Thanh H - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Có đơn xin vắng mặt

1.2. Ông Đào Hồng C - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Có đơn xin vắng mặt

1.3. Ông Đỗ Thành Trí T1 - Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ - VPBank; Có đơn xin vắng mặt

Là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V (Văn bản ủy quyền số 1629/2025/UQN-VPB ngày 28/7/2025).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thành T2, sinh năm 1988; địa chỉ: Số F, đường Huỳnh Văn L, tổ G, khu H, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường Phú L, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2025 (nộp tại Tòa án ngày 07/3/2025) của Ngân hàng TMCP V và quá trình giải quyết, ông Đào Hồng C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/12/2023, Ngân hàng TMCP V và ông Lê Thành T2 đã ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2312181270366 (còn gọi là Hợp đồng số LD23355017793) có nội dung: số tiền vay là 608.580.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 22/12/2023 đến ngày 03/12/2028), lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 25%/năm. Ông Lê Thành T2 đã được Ngân hàng giải ngân số tiền vay 608.580.000 đồng vào ngày 21/12/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng nên khoản nợ của ông T2 đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 03/02/2024. Tính đến ngày 28/7/2025, ông T2 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 608.580.000 đồng, nợ lãi là 358.167.440 đồng, tổng cộng là 966.747.440 đồng. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng TMCP V của ông T2 đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng cho vay, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông Lê Thành T2 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 28/7/2025 là 966.747.440 đồng, trong đó: nợ gốc là 608.580.000 đồng, nợ lãi và phí phạt là 358.167.440 đồng. Từ ngày 29/7/2025, ông T2 còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi quá hạn, lãi phạt được tính theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2312181270366 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Đồng thời, ngày 28/7/2025, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Thành T2 tại nơi cư trú, lý do ông T2 đã bán nhà đi nơi khác sinh sống. Theo kết quả xác minh tại Công an phường Phú L, xác định ông Lê Thành T2, sinh năm 1988 có đăng ký thường trú tại địa chỉ Số F, đường Huỳnh Văn L, tổ G, khu H, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh). Hiện nay, ông T2 đã bán nhà, không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Qua xem xét hợp đồng cho vay, ông T2 có ghi nhận nơi ở hiện tại là Khu L, đường Nguyễn Đức T, phường Hiệp T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường Phú L, Thành phố Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, tại Phiếu yêu cầu xác minh, Công an phường Phú L xác định qua rà soát dữ liệu dân cư thì ông Lê Thành T2, sinh năm 1988 không có đăng ký cư trú, sinh sống, đăng ký tạm trú tại Khu L, đường Nguyễn Đức T, phường Hiệp T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường Phú L, Thành phố Hồ Chí Minh). Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn, nhưng nguyên đơn không cung cấp được.

Do đó, Tòa án nhân dân thành phố T (nay là Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh) tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với ông Lê Thành T2. Tuy

nhiên, bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn ông Lê Thành T2 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu bị đơn ông Lê Thành T2 phải thanh toán tiền vay còn nợ nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 (nay là các Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024).

[1.2] Về thẩm quyền: Do bị đơn ông Lê Thành T2 cư trú tại phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường Phú L, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Ngày 28/7/2025, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V do bà Trần Thị Thanh H, ông Đào Hồng C, ông Đỗ Thành Trí T1 đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Lê Thành T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông T2 vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 15/12/2023, Ngân hàng TMCP V và ông Lê Thành T2 đã ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2312181270366 (còn gọi là Hợp đồng số

LD23355017793). Ông T2 đã được Ngân hàng giải ngân số tiền vay là 608.580.000 đồng vào ngày 21/12/2023. Xét thấy, việc ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia giao dịch.

[2.2] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V xác định do bị đơn ông Lê Thành T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng nên khoản vay của ông T2 đã chuyển nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn từ ngày 03/02/2024. Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông T2 thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 28/7/2025 là 966.747.440 đồng, trong đó: nợ gốc là 608.580.000 đồng, nợ lãi và phí phạt là 358.167.440 đồng.

[2.3] Về phía bị đơn ông Lê Thành T2 trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, xem như ông T2 đã từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Lê Thành T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc, lãi và phí cho Ngân hàng TMCP V. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ, nhưng phía ông T2 vẫn không có thiện chí trả nợ là đã vi phạm thỏa thuận của các bên tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2312181270366. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 28/7/2025 là 966.747.440 đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 (nay là các Điều 100, 102, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024).

[2.5] Từ ngày 29/7/2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ, ông Lê Thành T2 còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi quá hạn, lãi phạt được tính theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2312181270366.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 180, 227, 228, 235, 238, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 (nay là các Điều 100, 102, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024);

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn ông Lê Thành T2 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Ông Lê Thành T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 28/7/2025 là 966.747.440 đồng (Chín trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi đồng), trong đó:

+ Nợ gốc là 608.580.000 đồng (Sáu trăm lẻ tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Nợ lãi và phí phạt là 358.167.440 đồng (Ba trăm năm mươi tám triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

- Từ ngày 29/7/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, ông Lê Thành T2 còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi quá hạn, lãi phạt được tính Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2312181270366.

2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP V phải chịu số tiền là 3.247.037 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng) lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng tại Tòa án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Thành T2 phải nộp 41.002.000 đồng (Bốn mươi một triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 18.790.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số BLTU/24-0001556 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A).

4. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực A - Tp. HCM;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung